

Điều 36. — Thủ trưởng các cấp, các ngành phải giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của tổ chức thanh tra; trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản phải trả lời cho tổ chức thanh tra.

Đối tượng thanh tra và cơ quan, đơn vị hữu quan phải chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Hội đồng Bộ trưởng quy định các biện pháp bảo đảm việc thi hành yêu cầu, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Điều 37. — Khi nhận được khiếu nại đối với yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra, thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức thanh tra nơi ra văn bản có trách nhiệm phải xem xét lại và trả lời cho đương sự chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Trong trường hợp đương sự còn khiếu nại tiếp thì được giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Chương V

KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT

Điều 38. — Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thanh tra được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng quy định chế độ khen thưởng về vật chất, tinh thần cho các tổ chức thanh tra, thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra có thành tích trong công tác thanh tra.

Điều 39. — Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân; người cản trở, mua chuộc, trả thù nhân viên thanh tra, người cộng tác với tổ chức thanh tra hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về thanh tra thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm

mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 40. — Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 41. — Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1990.

T. M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

LỆNH của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước số 35-LCT/HĐNN 8 ngày 9-4-1990 công bố Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự.

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước;

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự đã được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 29 tháng 3 năm 1990.

T. M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

PHÁP LỆNH sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự.

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;

Pháp lệnh này sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1985.

Điều 1. — Sửa đổi, bổ sung một số điều như sau :

1. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau :

Điều 6

Trước Tòa án quân sự, quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Trong những trường hợp do pháp luật quy định, Tòa án quân sự phải yêu cầu Đoàn luật sư cử người bào chữa cho bị cáo.

Các đương sự khác có quyền tự mình hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền lợi cho mình.

2. Điều a, khoản 1, điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau :

a) Sơ thẩm đồng thời chung thẩm những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp; những vụ án mà bị cáo khi phạm tội hoặc khi bị khởi tố có quân hàm cấp tướng hoặc là người có chức vụ từ chỉ huy trưởng sư đoàn, cục trưởng và cấp tương đương trở lên; những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự quân khu và cấp tương đương, nhưng Tòa án quân sự cấp cao lấy lên để xét xử.

3. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau :

Điều 25

Các Tòa án quân sự khu vực có thẩm quyền sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm theo quy định tại điều 145 của Bộ luật tố tụng hình sự mà bị cáo khi phạm tội hoặc khi bị khởi tố có quân hàm từ thiếu tá trở xuống hoặc là người có chức vụ từ phó chỉ huy trưởng trung đoàn hoặc cấp tương đương trở xuống.

Tòa án quân sự khu vực có Chánh án, các Phó Chánh án, các Thẩm phán và Hội thẩm quân nhân.

4. Đoạn 1, điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau :

Thẩm phán Tòa án quân sự cấp cao là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Hội đồng Nhà nước cử theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

5. Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau :

Điều 34

Các Hội thẩm quân nhân có nhiệm vụ tham gia công tác xét xử của Tòa án quân sự.

Các đơn vị có người được bầu, hoặc cử làm Hội thẩm quân nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Hội thẩm quân nhân làm tròn nhiệm vụ.

Hội thẩm quân nhân được bồi dưỡng về công tác xét xử.

6. Đoạn 3, điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau :

Kinh phí, phương tiện hoạt động và trụ sở của các Tòa án quân sự do Bộ quốc phòng và các đơn vị quân đội bảo đảm.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2. — Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Hội đồng Nhà nước
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 65-CT ngày 5-3-1990 về việc thành lập Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật trực thuộc Viện Khoa học Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam (công văn số 544-VKH/TT ngày 30-3-1989 và công văn số 579-VKH/TCCB ngày 4-4-1989) và ý kiến Ban Tổ chức của Chính phủ (công văn số 125-TCCP ngày 5-5-1989), Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước (công văn số 57-THKH ngày 12-1-1990),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập các Viện sau đây trực thuộc Viện Khoa học Việt Nam:

1. Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên trên cơ sở trung tâm hóa học các hợp chất thiên nhiên.

2. Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật trên cơ sở trung tâm sinh thái và tài nguyên sinh vật.

Điều 2. — Mỗi Viện do một Viện trưởng phụ trách, giúp việc Viện trưởng có từ 1 đến 2 Phó Viện trưởng.

Điều 3. — Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, và Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật.

Điều 4. — Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 106-CT ngày 2-4-1990 về một số chế độ đối với công nhân viên chức và các đối tượng chính sách xã hội.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ kết luận của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 22 tháng 2 năm 1990,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Bổ sung một số chế độ cho các đối tượng chính sách xã hội như sau:

— Trợ cấp thêm 6.000 đồng/tháng (sáu nghìn đồng) cho cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945 đang hưởng sinh hoạt phí hàng tháng.